

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2024

*“V/v Tranh chấp về hôn nhân*

*và gia đình – Ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Tuyết Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Việt Thanh

2. Ông Trần Văn Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22/3 và ngày 16 tháng 4 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST - HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2024, *“Về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Lâm Thị Phương T, sinh năm 1993

*Địa chỉ:*, tổ 5, ấp 3, xã Mỹ T, thành phố CL, tỉnh ĐT.

*Bị đơn:* Nguyễn Minh N, sinh năm 1990.

*Địa chỉ:* đường 30/4, tổ 5, ấp 1, xã Mỹ T, thành phố CL, tỉnh ĐT.

*(Chị T có mặt tại phiên tòa. Anh N vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Lâm Thị Phương T trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Vợ chồng kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/11/2013.

Trong thời gian đầu chung sống với nhau có hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống dẫn đến tình trạng không hợp nhau, anh N có nhiều mối quan hệ

bên ngoài và bị đánh vào tệ nạn xã hội, bị tù giam mới về hồi tháng 10/2023. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2023 đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm hai bên không còn, không thể tiếp tục sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Lâm Tuấn Kiệt, sinh năm 03/01/2014. Con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, anh N không có văn bản ghi ý kiến về việc giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lâm Thị Phương T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét thấy, địa chỉ của bị đơn tại số 873 đường 30/4, tổ 5, ấp 1, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Anh Nguyễn Minh N đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Nội dung vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lâm Thị Phương T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/11/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu chung sống với nhau có hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống dẫn đến tình trạng không hợp nhau, anh N có nhiều mối quan hệ bên ngoài và bị đánh vào tệ nạn xã hội, bị tù giam mới về hồi tháng 10/2023. Vợ

chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2023 đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm hai bên không còn, không thể tiếp tục sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N không có văn bản ý kiến và vắng mặt tại phiên họp, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa thể hiện việc chị T trình bày là có căn cứ theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

**Do đó, xét yêu cầu của chị Lâm Thị Phương T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh N là có căn cứ nên chấp nhận.**

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Lâm Tuấn Kiệt, sinh năm 03/01/2014. Con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Minh N không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T: Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại con chung Nguyễn Lâm Tuấn Kiệt, sinh ngày 03/01/2014, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Mặt khác, cháu Kiệt có văn bản ý kiến muốn ở cùng với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị Phương T. Chị T được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Lâm Tuấn Kiệt, sinh ngày 03/01/2014.

Chị Lâm Thị Phương T không yêu cầu anh Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Lâm Thị Phương T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Minh N không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng chị Lâm Thị Phương T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí chị Lâm Thị Phương T đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000310 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp. Chị Lâm Thị Phương T đã nộp xong tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu chị Lâm Thị Phương T. Chị Lâm Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

[2]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Lâm Tuấn Kiệt, sinh năm 03/01/2014. Con chung đang sống với chị T. Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Chị Lâm Thị Phương T không yêu cầu anh Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình:* là 300.000 đồng chị Lâm Thị Phương T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lâm Thị Phương T đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000310 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp. Chị Lâm Thị Phương T đã nộp xong tiền án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Tuyết Nga**